

Số: 2668 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thay thế Quyết định số 1396/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 9 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện các chương trình, dự án, hoạt động sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Tài chính, Hợp tác quốc tế, Tổ chức cán bộ và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, KH.

ky *keo*

BỘ TRƯỞNG



N. Quang
Nguyễn Minh Quang

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý
của Bộ Tài nguyên và Môi trường**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2668 /QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 12 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định việc vận động tài trợ, xây dựng, thẩm định, phê duyệt, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá các chương trình, dự án, hoạt động (sau đây gọi chung là dự án) sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Nguồn tài trợ nước ngoài nêu trong Quy chế này bao gồm nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ theo Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 38/2013/NĐ-CP) và nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ (sau đây gọi là Nghị định số 93/2009/NĐ-CP).

3. Quy chế này áp dụng cho tất cả các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Ban chỉ đạo, Ban quản lý dự án và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến các dự án sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Các hoạt động liên quan đến quản lý, thực hiện dự án sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài phải tuân thủ quy định của Nghị định số 38/2013/NĐ-CP, Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và các quy định hiện hành có liên quan khác của Nhà nước.

2. Các dự án vận động nguồn tài trợ nước ngoài do các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng phải dựa trên cơ sở quy định tại Điều 11 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP, Điều 5 Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và các quy hoạch, chiến lược phát triển ngành hoặc lĩnh vực; kế hoạch trung, dài hạn, định hướng ưu tiên trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường; phù hợp với chức năng và nhiệm vụ, nhu cầu và năng lực tiếp nhận vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý và sử dụng viện trợ của đơn vị đề xuất.

3. Các dự án sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt mới đủ điều kiện triển khai thực hiện.

Chương II

XÂY DỰNG VÀ PHÊ DUYỆT DANH MỤC TÀI TRỢ

Điều 3. Đề xuất dự án vận động tài trợ

1. Định kỳ hàng năm vào thời điểm xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm sau, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch trình Bộ trưởng ký văn bản gửi các đơn vị trực thuộc Bộ hướng dẫn việc đề xuất danh mục các dự án vận động nguồn tài trợ nước ngoài trong năm sau.

Bên cạnh việc xây dựng kế hoạch vận động tài trợ hàng năm, trên cơ sở tình hình và yêu cầu quản lý các dự án nguồn tài trợ nước ngoài của Bộ, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch và các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch (danh mục các dự án) vận động tài trợ trung hạn (3 đến 5 năm) để trình Bộ trưởng xem xét, quyết định làm căn cứ thực hiện hàng năm.

2. Căn cứ ưu tiên hợp tác của mỗi nhà tài trợ và đối tác quốc tế, các lĩnh vực ưu tiên hợp tác quốc tế trong từng giai đoạn và hàng năm của Chính phủ và của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch làm việc với các nhà tài trợ và các đối tác quốc tế; tổ chức làm việc với từng nhà tài trợ và các đối tác quốc tế để vận động tài trợ và hợp tác cho từng hoạt động cụ thể. Nguồn kinh phí cho hoạt động này được bố trí từ nguồn kinh phí đoàn vào hàng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch và các đơn vị liên quan tổng hợp thành danh mục các dự án vận động nguồn tài trợ nước ngoài trình Bộ trưởng xem xét, quyết định để gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 13 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP.

Trong trường hợp cần thiết, Vụ Hợp tác quốc tế báo cáo Bộ trưởng xem xét, thành lập Hội đồng thẩm định danh mục các dự án vận động nguồn tài trợ nước ngoài trước khi trình Bộ trưởng ký văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Trên cơ sở thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về các đề xuất dự án được lựa chọn, Vụ Hợp tác quốc tế hướng dẫn đơn vị đề xuất xây dựng đề cương dự án theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP (mẫu đề cương tại Phụ lục IIa, Phụ lục IIb).

5. Đối với dự án vận động tài trợ không trùng với thời điểm hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường nêu tại Khoản 1 Điều này, đơn vị đề xuất dự án báo cáo Bộ để thực hiện các thủ tục theo quy định hiện hành.

6. Đối với dự án sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ (PCP) nước ngoài, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và Thông tư số 07/2010/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 3 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP (sau đây gọi là Thông tư số 07/2010/TT-BKHĐT).

Điều 4. Phê duyệt danh mục tài trợ

1. Đối với danh mục tài trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định đề cương dự án, trình Bộ trưởng văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục tài trợ theo quy định tại Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP.

2. Đối với danh mục tài trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định đề cương dự án, trình Bộ trưởng phê duyệt danh mục tài trợ. Trình tự, thủ tục phê duyệt danh mục tài trợ quy định tại Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Vụ Hợp tác quốc tế trình Bộ trưởng ký văn bản kèm theo đề cương dự án gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan đề nghị đóng góp ý kiến. Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan, Vụ Hợp tác quốc tế hướng dẫn đơn vị đề xuất dự án hoàn chỉnh đề cương dự án.

b) Đơn vị đề xuất dự án hoàn thiện đề cương dự án, gửi về Vụ Hợp tác quốc tế trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị liên quan.

c) Sau khi đề cương dự án đã được chỉnh sửa theo các ý kiến đóng góp, Vụ Hợp tác quốc tế trình Bộ trưởng ký văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhà tài trợ để thông nhất ý kiến trước khi trình Bộ trưởng phê duyệt danh mục tài trợ (theo quy định tại điểm c, Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP).

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất công việc thẩm định, Vụ Hợp tác quốc tế dự thảo quyết định phê duyệt danh mục tài trợ theo nội dung quy định tại Điều 18 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP, trình Bộ trưởng phê duyệt.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày danh mục tài trợ được phê duyệt, quyết định phê duyệt kèm theo đề cương dự án phải được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, nhà tài trợ, chủ dự án và các cơ quan, đơn vị liên quan khác để theo dõi và chuẩn bị thực hiện các bước tiếp theo.

3. Trong trường hợp cần thiết, Vụ Hợp tác quốc tế báo cáo Bộ trưởng xem xét, thành lập Hội đồng thẩm định đề cương dự án trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục tài trợ dự án.

4. Đối với viện trợ PCP nước ngoài, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và Thông tư số 07/2010/TT-BKHĐT.

Điều 5. Các hoạt động thực hiện trước

1. Sau khi danh mục tài trợ kèm theo đề cương chi tiết dự án được phê duyệt, các hoạt động thực hiện trước thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP.

2. Trên cơ sở thông nhất với nhà tài trợ, chủ dự án báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường các hoạt động thực hiện trước (nếu có).

3. Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định các hoạt động thực hiện trước, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định hoặc giao chủ dự án quyết định những hoạt động được phân cấp theo quy định hiện hành.

Chương III

CHUẨN BỊ, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT VĂN KIỆN DỰ ÁN

Điều 6. Xây dựng văn kiện dự án

1. Sau khi danh mục tài trợ dự án ODA và vốn vay ưu đãi được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ dự án xây dựng văn kiện dự án theo các quy định tại Điều 22 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP, trình Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định.

a) Nội dung văn kiện dự án được xây dựng trên cơ sở nội dung đề cương dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt kèm theo danh mục tài trợ dự án. Trong văn kiện dự án cần xác định rõ mục tiêu cụ thể, đưa ra chỉ số đánh giá mức độ hoàn thành; các sản phẩm, kết quả phải rõ ràng và lượng hóa được để có thể theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả dự án.

b) Mẫu văn kiện dự án đầu tư (Báo cáo nghiên cứu khả thi) nêu tại Phụ lục IIIa, văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật nêu tại Phụ lục IIIb, văn kiện chương trình nêu tại phụ lục IIIc, văn kiện chương trình, dự án ô nêu tại Phụ lục IIId của Nghị định số 38/2013/NĐ-CP.

c) Kế hoạch tổng thể thực hiện dự án là một nội dung phải có trong văn kiện dự án để Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định và phê duyệt (theo Khoản 2 Điều 37 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP), đây là căn cứ để chủ dự án tổ chức lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện hàng năm. Trong kế hoạch phải xác định nguồn vốn (viện trợ, đối ứng) theo từng năm, tiến độ thực hiện, thời hạn hoàn thành đối với từng hoạt động của dự án để làm cơ sở theo dõi, đánh giá.

2. Văn kiện dự án viện trợ PCP nước ngoài được lập theo hướng dẫn quy định tại Điều 9 Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư số 07/2010/TT-BKHĐT.

a) Nội dung văn kiện dự án lập theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

b) Hồ sơ khoản viện trợ phi dự án thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

Điều 7. Thẩm định, phê duyệt văn kiện dự án

1. Hồ sơ đề nghị thẩm định và phê duyệt văn kiện dự án ODA và vốn vay ưu đãi gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP, bao gồm:

a) Văn bản gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị thẩm định và phê duyệt văn kiện dự án.

b) Quyết định phê duyệt danh mục tài trợ của cấp có thẩm quyền kèm theo đề cương chi tiết dự án.

c) Văn kiện dự án.

d) Các tài liệu chứng minh năng lực tài chính, phương án trả nợ (đối với dự án thuộc đối tượng vay lại).

đ) Văn bản ý kiến về dự án của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan (trong quá trình xây dựng và phê duyệt danh mục tài trợ).

e) Các tài liệu khác có liên quan.

2. Nội dung và quy trình thẩm định dự án ODA và vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 25 Nghị định 38/2013/NĐ-CP và các quy định hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2013/NĐ-CP.

3. Đối với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Khoản 1 Điều 24 của Nghị định số 38/2013/NĐ-CP, Vụ Kế hoạch chủ trì thực hiện việc thẩm định theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP, báo cáo Bộ trưởng để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt văn kiện dự án, Vụ Kế hoạch phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế thông báo cho nhà tài trợ và chủ dự án để thực hiện các bước tiếp theo.

4. Đối với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Tài chính, Vụ Tổ chức cán bộ và các cơ quan, đơn vị có liên quan (nếu cần thiết) thẩm định, cụ thể như sau:

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Vụ Kế hoạch đề nghị phối hợp thẩm định dự án, các đơn vị gửi ý kiến bằng văn bản về Vụ Kế hoạch. Trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan, Vụ Kế hoạch hướng dẫn chủ dự án hoàn chỉnh văn kiện dự án.

b) Chủ dự án hoàn thiện văn kiện dự án, gửi về Vụ Kế hoạch trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định để tiến hành các thủ tục tiếp theo.

c) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất công việc thẩm định, Vụ Kế hoạch lập báo cáo kết quả thẩm định và dự thảo quyết định phê duyệt văn kiện dự án, trình Bộ trưởng phê duyệt.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày văn kiện dự án được phê duyệt, quyết định phê duyệt kèm theo văn kiện dự án có đóng dấu giáp lai của Bộ phải được gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan.

5. Đối với dự án sử dụng nguồn viện trợ PCP nước ngoài, hồ sơ thẩm định, thủ tục thẩm định và phê duyệt thực hiện theo quy định từ Điều 10 đến Điều 15 Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 07/2010/TT-BKHĐT.

Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định, trình Bộ trưởng phê duyệt theo thẩm quyền hoặc ký văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu

tư đề nghị thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

6. Trong trường hợp cần thiết, Vụ Kế hoạch báo cáo Bộ trưởng xem xét, thành lập Hội đồng thẩm định văn kiện dự án trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Chương IV **KÝ KẾT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ**

Điều 8. Đề xuất, ký kết điều ước quốc tế cụ thể về ODA và vốn vay ưu đãi

1. Cơ sở đề xuất, ký kết điều ước quốc tế cụ thể về ODA và vốn vay ưu đãi là văn kiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trên cơ sở đề xuất của chủ dự án, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan:

a) Trình Bộ trưởng ký văn bản trình Thủ tướng Chính phủ việc ký kết điều ước quốc tế cụ thể về ODA viện trợ không hoàn lại đối với các dự án theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP.

b) Trình Bộ trưởng ký văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đề nghị trình Thủ tướng Chính phủ việc ký kết các điều ước quốc tế cụ thể về ODA và vốn vay ưu đãi với Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển Châu Á, Quỹ Tiền tệ quốc tế và các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 30 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP.

Điều 9. Trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi

1. Trình tự, thủ tục ký kết điều ước quốc tế; trình tự, thủ tục ủy quyền đàm phán, ký các điều ước quốc tế với cùng một nhà tài trợ; hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ về việc đàm phán, ký, phê duyệt điều ước quốc tế; hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, trình Chủ tịch nước phê chuẩn điều ước quốc tế thực hiện theo quy định từ Điều 31 đến Điều 34 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP.

2. Đối với việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế: trên cơ sở đề xuất của chủ dự án, Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP.

Điều 10. Đàm phán, ký kết viện trợ PCP nước ngoài

Công tác đàm phán, ký kết viện trợ PCP nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

Chương V **QUẢN LÝ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

Điều 11. Hình thức quản lý dự án

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ quản tất cả các dự án nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi và các khoản viện trợ PCP nước ngoài do Bộ quản lý.

2. Chủ dự án và chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài trực tiếp quản lý dự án ODA, vốn vay ưu đãi và dự án viện trợ PCP nước ngoài.

a) Các dự án chuyên ngành thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ do các đơn vị trực thuộc Bộ làm chủ dự án hoặc chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài theo quyết định phê duyệt văn kiện dự án.

b) Các dự án khác do các đơn vị thuộc khối Văn phòng Bộ thực hiện sẽ do Văn phòng Bộ làm chủ dự án hoặc chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài theo quyết định phê duyệt văn kiện dự án.

3. Chủ dự án thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án

a) Việc thuê tư vấn quản lý dự án (nếu có) phải được nêu trong văn kiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Trường hợp thuê tư vấn quản lý dự án, chủ dự án thực hiện theo quy định tại Điều 41 và các hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2013/NĐ-CP.

c) Chủ dự án phải cử cán bộ phụ trách, đồng thời giao nhiệm vụ cho các đơn vị thuộc bộ máy của mình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của chủ dự án và quản lý việc thực hiện hợp đồng của tư vấn quản lý dự án.

Điều 12. Ban quản lý dự án

1. Nguyên tắc chung trong việc thành lập Ban quản lý dự án

a) Việc thành lập Ban quản lý dự án (nếu có) phải được nêu trong văn kiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đối với hoạt động thực hiện trước khi phê duyệt văn kiện dự án có liên quan đến thành lập Ban quản lý dự án, thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này.

b) Xem xét khả năng sử dụng các Ban quản lý dự án chuyên nghiệp hoặc Ban quản lý dự án hiện có của chủ dự án để giảm chi phí quản lý và sử dụng năng lực, kinh nghiệm của các cán bộ quản lý. Trường hợp Ban quản lý dự án hiện có không đủ điều kiện để quản lý thêm dự án mới thì chủ dự án thành lập Ban quản lý dự án mới để quản lý thực hiện dự án.

2. Trong vòng 30 ngày làm việc sau khi văn kiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ dự án ra quyết định thành lập Ban quản lý dự án sau khi thống nhất ý kiến bằng văn bản với các Vụ: Tổ chức cán bộ, Kế hoạch, Tài chính, Hợp tác quốc tế. Các chức danh: Giám đốc, Kế toán của dự án (trường hợp dự án có nhiều hơn một Kế toán thì Kế toán trưởng) phải là người thuộc biên chế của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trừ trường hợp chủ dự án sử dụng Ban quản lý dự án chuyên nghiệp hoặc Ban quản lý dự án hiện có, mỗi cán bộ thuộc biên chế của Bộ (biên chế của đơn vị chủ dự án) chỉ được tham gia (làm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán hoặc Kế toán trưởng) không quá 02 dự án. Trường hợp đặc biệt, chủ dự án báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP.

Trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Ban quản lý dự án, cơ quan quyết định thành lập Ban quản lý dự án có trách nhiệm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án.

4. Đối với dự án sử dụng nguồn viện trợ PCP nước ngoài: thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

Chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài ban hành quyết định thành lập Ban quản lý dự án trong vòng 15 ngày làm việc sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Các trường hợp không cần thành lập Ban quản lý dự án thực hiện theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP.

Trong trường hợp không thành lập Ban quản lý dự án, chủ dự án sử dụng pháp nhân của mình để trực tiếp quản lý thực hiện dự án. Chủ dự án phải có quyết định bằng văn bản cử người tham gia quản lý dự án và phân công nhiệm vụ cụ thể; trong đó phải có người của đơn vị chủ dự án trực tiếp phụ trách công việc quản lý dự án. Những người được cử tham gia quản lý dự án làm việc theo chế độ kiêm nhiệm hoặc chuyên trách.

6. Các quyết định của chủ dự án, chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài nêu tại Khoản 2 đến Khoản 5 Điều này, hợp đồng thuê tư vấn nêu tại khoản 3 Điều 11 phải được gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, quản lý.

7. Đối với việc thành lập Ban quản lý dự án chuyên nghiệp: căn cứ số lượng, quy mô và tính chất các dự án nguồn tài trợ nước ngoài thuộc một lĩnh vực, Vụ Kế hoạch phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Hợp tác quốc tế và các đơn vị có liên quan đề xuất việc thành lập Ban quản lý dự án chuyên nghiệp lĩnh vực đó báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 13. Ban chỉ đạo dự án

1. Ban chỉ đạo dự án được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét thành lập đối với dự án có quy mô lớn, tính chất phức tạp và liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị trong và ngoài Bộ hoặc theo yêu cầu của nhà tài trợ. Trưởng ban là một Lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường; thành phần Ban chỉ đạo dự án là đại diện lãnh đạo của các cơ quan, đơn vị có liên quan; chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban chỉ đạo dự án quy định cụ thể trong quyết định thành lập.

2. Việc thành lập Ban chỉ đạo dự án (nếu có) phải được nêu trong văn kiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các trường hợp khác do Bộ trưởng xem xét, quyết định.

3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ dự án gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường hồ sơ trình phê duyệt thành lập Ban chỉ đạo dự án, bao gồm:

a) Văn bản gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị thành lập Ban chỉ đạo dự án.

b) Quyết định phê duyệt văn kiện dự án.

c) Văn bản cử cán bộ tham gia Ban chỉ đạo dự án của các cơ quan, đơn vị

liên quan.

d) Các tài liệu có liên quan khác.

4. Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch và các đơn vị liên quan trình Bộ trưởng quyết định thành lập Ban chỉ đạo dự án.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung dự án

Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo quy định tại Điều 48 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP và Điều 22 Nghị định số 93/2009/NĐ-CP. Chủ dự án, chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài có văn bản báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường việc sửa đổi, bổ sung.

1. Đối với dự án ODA và vốn vay ưu đãi

a) Trường hợp sửa đổi, bổ sung dự án dẫn đến sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi: Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP.

b) Trường hợp sửa đổi, bổ sung dẫn đến thay đổi về nội dung trong Quyết định phê duyệt danh mục tài trợ: Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP.

2. Đối với dự án nguồn viện trợ PCP nước ngoài

a) Dự án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt: trên cơ sở báo cáo của chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài, Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trình Bộ trưởng ký văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại điểm a, Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 93/2009/NĐ-CP.

b) Dự án do Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt: trên cơ sở báo cáo của chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài, Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thẩm định, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 15. Nghiệm thu, bàn giao

Nghiệm thu, bàn giao dự án nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định tại Điều 49 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP; các khoản viện trợ PCP nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 93/2009/NĐ-CP và các quy định do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

1. Đối với dự án đầu tư, việc nghiệm thu, bàn giao thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý đầu tư và quy định của nhà tài trợ; đối với dự án hỗ trợ kỹ thuật, việc nghiệm thu, bàn giao thực hiện theo Quy chế kiểm tra, nghiệm thu của các lĩnh vực quản lý chuyên môn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường và quy định của nhà tài trợ.

2. Sau khi kết thúc dự án, chủ dự án tổ chức nghiệm thu hoàn thành và bàn giao sản phẩm có sự tham gia của đại diện các Vụ Kế hoạch, Hợp tác quốc tế, Tài chính, Tổ chức cán bộ; Tổng cục hoặc Cục quản lý nhà nước chuyên ngành và đề xuất việc khai thác và phát huy kết quả đạt được của dự án; lập báo cáo kết

thúc dự án gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính theo quy định.

3. Trong trường hợp cần thiết, Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan báo cáo Bộ trưởng xem xét, thành lập Hội đồng nghiệm thu kết quả thực hiện dự án. Chủ tịch Hội đồng là một Lãnh đạo Bộ, các thành viên là đại diện lãnh đạo các Vụ: Kế hoạch, Hợp tác quốc tế, Tài chính, Tổ chức cán bộ và lãnh đạo Tổng cục hoặc Cục quản lý nhà nước chuyên ngành.

Chương VI **QUẢN LÝ TÀI CHÍNH DỰ ÁN**

Điều 16. Kế hoạch tài chính hàng năm của dự án

1. Hàng năm, vào thời điểm lập dự toán ngân sách nhà nước (NSNN) theo quy định hiện hành, các chủ dự án căn cứ danh mục tài trợ/văn kiện dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tiến độ và khả năng thực hiện dự án, các hướng dẫn về xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước, các chế độ và định mức chi tiêu hiện hành để tiến hành lập kế hoạch tài chính cho năm tiếp theo (gồm cả vốn tài trợ và vốn đối ứng) tổng hợp vào kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm của đơn vị gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung của Bộ.

Trường hợp dự án được xem xét tài trợ không trùng với kỳ lập kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm, chủ dự án lập kế hoạch bổ sung ngân sách năm của đơn vị, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, xử lý từng trường hợp cụ thể.

2. Việc giao dự toán ngân sách (gồm cả vốn tài trợ và vốn đối ứng) cho các chủ dự án (đơn vị dự toán trực thuộc Bộ) được thực hiện theo quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

3. Việc phê duyệt kế hoạch và dự toán chi tiết hàng năm thực hiện như sau: trong trường hợp văn kiện dự án chưa phân khai kế hoạch tài chính chi tiết theo năm, hoặc trong quá trình thực hiện có sự thay đổi kế hoạch tài chính năm, chủ dự án có trách nhiệm căn cứ vào dự toán được giao và khả năng triển khai thực tế để phê duyệt (hoặc phê duyệt điều chỉnh) kế hoạch tài chính vốn tài trợ chi tiết theo năm, phê duyệt dự toán chi tiết làm căn cứ thực hiện. Việc phê duyệt dự toán chi tiết vốn đối ứng thực hiện theo các quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 17. Vốn đối ứng và vốn tài trợ

1. Vốn đối ứng

a) Trong quyết định phê duyệt văn kiện dự án phải xác định rõ về mức vốn, nguồn vốn đối ứng đóng góp bằng tiền và hiện vật trong dự án theo nguyên tắc: ngân sách Trung ương đảm bảo vốn đối ứng cho các dự án hoặc hợp phần dự án do các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường là chủ dự án trực tiếp quản lý và thực hiện; ngân sách địa phương đảm bảo bố trí vốn đối ứng cho các dự án hoặc hợp phần dự án do các cơ quan địa phương là chủ dự án. Trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác thì thực hiện theo điều ước quốc tế.

b) Căn cứ văn kiện dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Vụ Kế hoạch phối hợp với Vụ Tài chính dự kiến cân đối vốn đối ứng trong kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

2. Vốn tài trợ

a) Vốn tài trợ nước ngoài (bao gồm vốn ODA không hoàn lại, ODA vay ưu đãi, viện trợ PCP nước ngoài) phải được hạch toán đầy đủ vào ngân sách và quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

b) Cơ chế tài chính trong nước sử dụng các nguồn vốn tài trợ cho dự án (cấp phát từ NSNN, cho vay lại từ NSNN, hoặc cấp phát một phần, cho vay lại một phần từ NSNN) và tính chất sử dụng vốn của dự án (dự án xây dựng cơ bản, dự án hành chính sự nghiệp, dự án cho vay lại/tín dụng hay dự án hỗn hợp cả cấu phần chi xây dựng cơ bản và cấu phần chi hành chính sự nghiệp) phải được xác định theo từng dự án và quy định trong quyết định phê duyệt văn kiện dự án.

c) Ngoại trừ những quy định được thoả thuận riêng trong các hiệp định với nhà tài trợ, các khoản chi tiêu và mua sắm từ nguồn vốn tài trợ, đặc biệt đối với các khoản chi tiêu và mua sắm tại Việt Nam, phải do phía Việt Nam quyết định và chịu trách nhiệm.

Điều 18. Quản lý tài sản và quyết toán

1. Việc quản lý tài sản hình thành từ nguồn tài trợ nước ngoài được thực hiện theo các quy định tại Phần IV Thông tư số 108/2007/TT-BTC ngày 07 tháng 9 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án phát triển chính thức; Điều 15 Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước hoặc các văn bản sửa đổi, bổ sung và thay thế (nếu có) và Quy chế quản lý tài sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Quyết toán dự án

a) Các dự án sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài thuộc nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được quyết toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 210/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

b) Quyết toán các dự án có sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài thuộc nguồn vốn sự nghiệp (kể cả phần vốn sự nghiệp của dự án hỗn hợp):

- Quyết toán năm: Chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán nguồn tài trợ tổng hợp chung vào báo cáo quyết toán năm của đơn vị và gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường. Mẫu biểu, thời gian báo cáo quyết toán kinh phí của các dự án thực hiện theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Bộ Tài

chính về việc sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có), kèm theo bản thuyết minh chi tiết kinh phí quyết toán theo từng nguồn vốn (vốn vay, viện trợ không hoàn lại, vốn đối ứng). Vụ Tài chính có trách nhiệm thẩm định và thông báo quyết toán theo quy định tại Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

- Các khoản ghi thu, ghi chi vào ngân sách năm nào thì quyết toán vào thu, chi ngân sách năm đó.

- Quyết toán khi kết thúc dự án: trong vòng 60 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc dự án, trên cơ sở báo cáo quyết toán hàng năm của dự án đã được cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt, chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo tài chính của toàn bộ dự án (chi tiết theo từng nguồn vốn nước ngoài, vốn đối ứng) và báo cáo tài sản, công nợ và các vấn đề tồn tại khác; kiểm tra và đề xuất phương án xử lý tài sản, công nợ và các vấn đề khác có liên quan trình Bộ Tài nguyên và Môi trường. Vụ Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định, tổng hợp báo cáo Bộ trưởng phê duyệt và gửi Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật về NSNN.

c) Quyết toán các khoản viện trợ theo hình thức phi dự án: đơn vị tiếp nhận viện trợ có trách nhiệm tổng hợp các nhiệm vụ chi từ nguồn tài trợ nước ngoài vào báo cáo quyết toán hàng năm của đơn vị mình, gửi đơn vị dự toán cấp trên thẩm tra, xét duyệt theo quy định hiện hành.

Chương VII **GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ DỰ ÁN**

Điều 19. Giám sát, đánh giá dự án

Nội dung, trách nhiệm giám sát và đánh giá dự án của Ban quản lý dự án, chủ dự án, Bộ Tài nguyên và Môi trường (cơ quan chủ quản) thực hiện theo quy định từ Điều 51 đến Điều 55 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP (đối với dự án sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi) và Điều 26 Nghị định số 93/2009/NĐ-CP (đối với dự án sử dụng nguồn viện trợ PCP nước ngoài) và Quy chế kiểm tra, nghiệm thu của các lĩnh vực quản lý chuyên môn thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1. Ban quản lý dự án thực hiện trách nhiệm theo dõi và đánh giá dự án quy định tại Điều 55 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP.

2. Chủ dự thực hiện trách nhiệm giám sát và đánh giá dự án theo quy định tại Điều 54 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP.

3. Đối với việc giám sát, đánh giá thuộc trách nhiệm của cơ quan chủ quản quy định tại Điều 53 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP.

Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Tài chính, Vụ Tổ chức cán bộ và các cơ quan liên quan khác tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện dự án và sự tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam và quy định của nhà

tài trợ về quản lý dự án ít nhất mỗi năm một lần.

4. Kinh phí cho việc giám sát và đánh giá

a) Kinh phí giám sát, đánh giá ở cấp chủ dự án: bố trí từ nguồn ODA, vay ưu đãi hoặc đối ứng và phải được xác định trong văn kiện dự án.

b) Kinh phí giám sát, đánh giá ở cấp cơ quan chủ quản: bố trí trong kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 20. Báo cáo thực hiện dự án

1. Vụ Kế hoạch là đơn vị chủ trì tổng hợp báo cáo cấp cơ quan chủ quản để gửi các cơ quan liên quan theo quy định hiện hành; là đầu mối của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc cung cấp thông tin cho các cơ quan liên quan về các dự án sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài do Bộ quản lý. Các Vụ: Tài chính, Hợp tác quốc tế, Tổ chức cán bộ theo chức năng, nhiệm vụ, phối hợp cung cấp thông tin.

2. Việc báo cáo tình hình tiếp nhận, sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi thực hiện theo các quy định tại Điều 57 Nghị định số 38/2013/NĐ-CP; chế độ báo cáo như sau:

a) Chủ dự án lập báo cáo tháng (chỉ áp dụng với dự án do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và dự án đầu tư nhóm A), quý, năm, kết thúc, thay đổi gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan (nhà tài trợ, v.v).

- Báo cáo tháng, chậm nhất 10 ngày sau khi hết tháng; báo cáo quý, chậm nhất 15 ngày sau khi kết thúc quý; báo cáo năm, chậm nhất vào ngày 31 tháng 01 năm sau; báo cáo kết thúc, chậm nhất 6 tháng sau khi kết thúc dự án.

- Đối với báo cáo gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường, chủ dự án gửi đồng thời đến các Vụ: Kế hoạch, Hợp tác quốc tế, Tài chính và Tổ chức cán bộ.

b) Đối với báo cáo hàng quý của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Ngoại giao: Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính, Vụ Hợp tác quốc tế và các chủ dự án thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Báo cáo quản lý, thực hiện các khoản viện trợ PCP nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 93/2009/NĐ-CP; chế độ báo cáo như sau:

a) Chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài xây dựng và gửi báo cáo 6 tháng chậm nhất vào ngày 15 tháng 7 của năm báo cáo; báo cáo năm chậm nhất vào ngày 20 tháng 01 của năm tiếp sau; báo cáo kết thúc, chậm nhất không quá 6 tháng sau khi kết thúc thực hiện các khoản viện trợ PCP nước ngoài cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban công tác về các tổ chức PCP nước ngoài.

b) Đối với báo cáo 6 tháng và hàng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ủy ban công tác về các tổ chức PCP nước ngoài: Vụ Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Vụ Tài chính, Vụ Hợp tác quốc tế và các chủ khoản viện trợ PCP nước ngoài thực hiện theo quy định hiện hành.

4. Các biểu mẫu báo cáo thực hiện theo các quy định hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2013/NĐ-CP và Thông tư số 07/2010/TT-BKHĐT.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch, Hợp tác quốc tế, Tài chính và Tổ chức cán bộ chịu trách nhiệm giúp Bộ trưởng chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức triển khai và kiểm tra các đơn vị trực thuộc Bộ trong việc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện đúng các quy định trong Quy chế này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có vấn đề vướng mắc, các đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi về Vụ Kế hoạch để tổng hợp trình Bộ trưởng xem xét, quyết định. / *km*

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Minh Quang